

BÁO CÁO
Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí
06 tháng đầu năm 2021

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh

Thực hiện Công văn số 944/STC-TTra ngày 27/4/2021 của Sở Tài chính về việc báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm 2021, Sở Xây dựng xin báo cáo kết quả như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ:

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP):

Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở cơ quan luôn được cấp ủy và lãnh đạo Sở Xây dựng quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Đồng thời, công tác này rất được sự hưởng ứng tham gia nhiệt tình của toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP và việc THTK, CLP:

Sở Xây dựng đã triển khai, phổ biến Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021.

Nhằm thực hiện nghiêm chỉ đạo tiết kiệm, chống lãng phí theo Chương trình của UBND tỉnh, Giám đốc Sở đã ban hành Quyết định số 49A/QĐ-SXD ngày 15/4/2021 về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 của Sở Xây dựng để toàn thể đội ngũ công chức, viên chức và người lao động thực hiện theo đúng quy định.

Ban Giám đốc Sở tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục tư tưởng cho toàn thể công chức, viên chức, thông qua việc lồng ghép vào các buổi họp giao ban đầu tuần của ngành; họp lệ chi bộ; thông qua mạng nội bộ I-office... nhằm quán triệt sâu sắc, đều khắp trong toàn cơ quan cùng nỗ lực thực

hiện. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bằng nhiều hình thức trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng được triển khai kịp thời.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP:

Ban Giám đốc Sở kết hợp cùng cấp ủy tại các đơn vị, bộ phận thuộc Sở, tổ chức thực hiện đạt hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng trong ngành xây dựng.

Cấp ủy Đảng thực hiện công tác giám sát đối với các phòng ban, đơn vị trực thuộc theo kế hoạch về phòng, chống tham nhũng thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Qua đó đã góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, tạo chuyển biến tư tưởng trong đảng viên, công chức, viên chức về công tác phòng chống tham nhũng nhất là việc thực hiện nếp sống văn minh, trong việc cưới, việc tang, lễ hội đã được nâng lên rõ rệt.

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THPT, CLP:

1. Kết quả THPT, CLP cụ thể trong các lĩnh vực:

a). THPT, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

Sở Xây dựng tiến hành rà soát các định mức, tiêu chuẩn, chế độ, quản lý chặt chẽ các khoản chi, bảo đảm theo đúng dự toán đã được phê duyệt và chế độ quy định và thực hiện nghiêm các biện pháp chống thất thoát, lãng phí. Ngoài ra, Sở hạn chế tổ chức các cuộc họp không cần thiết, nâng cao chất lượng và hiệu quả các cuộc họp trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí.

b). THPT, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN):

- Về danh mục tài sản kế toán: có mở sổ theo dõi hàng năm, nhằm phục vụ tốt cho công tác kiểm kê, quản lý, giữ gìn tốt tài sản Nhà nước.

- Thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý các dự án đầu tư có nguồn vốn Ngân sách Nhà nước.

- Việc thực hiện các quy định của Đảng và Nhà nước khi cử các đoàn đi tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm ở nước ngoài: trong 06 tháng đầu năm 2021 Sở Xây dựng không có đoàn đi tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm ở nước ngoài.

- Lập kế hoạch sửa chữa, mua sắm tài sản công, chi sử dụng ngân sách Nhà nước. Thực hiện quy chế chi tiêu và quy chế trả lương nội bộ, có quy định rõ

ràng từng định mức chi tiêu hàng tháng, sử dụng nhiên liệu điện, nước, thông tin liên lạc, phương tiện đi lại, trang thiết bị....

- Thực hiện đúng theo quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị, có quy định rõ ràng từng định mức chi tiêu hàng tháng như chi: Hội nghị, tiếp khách, văn phòng phẩm sử dụng nhiên liệu điện, nước, thông tin liên lạc, phương tiện đi lại, trang thiết bị.... theo đúng hướng dẫn của cấp thẩm quyền. Trong 06 tháng đầu năm 2021, đơn vị tiết kiệm các khoản chi trên tương ứng số tiền là:

- Tổng dự toán được giao trong năm: 5.376.000.000 đồng

- Tổng chi đến 10/5/2021: 2.110.766.757 đồng

- Tồn đến thời điểm 10/5/2021: 3.265.233.243 đồng

Trong đó sử dụng: Văn phòng phẩm, điện, nước, thông tin liên lạc,... đến 10/5/2021, cụ thể:

+ Điện thoại, sách, báo, tạp chí, cước Internet... : 87.300.190 đồng

+ Văn phòng phẩm, vật tư văn phòng khác : 39.356.000 đồng

c). THPTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan:

- Việc tuân thủ chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước về mua sắm tài sản: Lập kế hoạch sửa chữa, mua sắm tài sản công, chi sử dụng ngân sách Nhà nước, đơn vị đều có thông báo chào giá, lựa chọn nhà thầu; ra quyết định chi định.... (*mua sắm chi thường xuyên về tài sản như máy vi tính; sửa chữa bảo trì các thiết bị văn phòng nên nguồn mua sắm của đơn vị thường không cao*)

d). THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

- THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng:

+ Trong 06 tháng đầu năm thẩm định tổng: 04 dự án đầu tư xây dựng, cụ thể như sau:

→ Tổng giá trị trình thẩm định: 265.800 triệu đồng

→ Tổng giá trị sau thẩm định : 265.800 triệu đồng

+ Thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng (gồm báo cáo kinh tế kỹ thuật): 15 hồ sơ, cụ thể như sau:

→ Tổng giá trị trình thẩm định: 168.858 triệu đồng

→ Tổng giá trị sau thẩm định : 168.690 triệu đồng

→ Giảm 168 triệu đồng (tỷ lệ 0.1%).

- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp: Bố trí đầy đủ các phòng ban, đơn vị trực thuộc làm việc tại trụ sở cơ quan.

- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng: Hiện Sở Xây dựng đang quản lý 62 nhà ở công vụ và thực hiện cho thuê đúng theo quy định.

đ). THPTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực Nhà nước:

Đối với công tác tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động, một mặt Sở Xây dựng tiếp tục thực hiện nghiêm quy định của Chính phủ, của UBND tỉnh về tinh giản biên chế. Mặt khác, Sở thường xuyên quản lý chặt chẽ thời gian làm việc, kiểm tra, giám sát chất lượng và đảm bảo hiệu quả công việc của công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở.

Ngoài ra, Sở tiếp tục quán triệt, tiến hành đổi mới căn bản cách thức quản lý và thái độ làm việc của công chức, viên chức thuộc Sở, tăng cường thực hiện kỷ luật, kỷ cương đối với công chức thuộc Sở. Thông qua đó, công chức, viên chức thuộc Sở đã nâng cao tinh thần và thái độ làm việc một cách nghiêm túc, nhận thực được trách nhiệm và quyền lợi của bản thân trong việc góp phần thực hiện tốt các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực Nhà nước.

III. NHẬN XÉT CHUNG

1. Ưu điểm

Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của cấp ủy Đảng và chính quyền, về nhận thức và hành động, nhất là tinh thần, thái độ, trách nhiệm của từng đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong toàn cơ quan đồng tình hưởng ứng.

2. Khuyết điểm

Công tác tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến toàn thể đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan đã được quan tâm, nhưng về nội dung và cách thức triển khai còn mang tính hình thức, nội dung chưa phong phú và đa dạng, thiếu chiều sâu.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM SẮP TỚI

1. Công chức lãnh đạo phải là đầu tàu làm công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Vì công chức, viên chức lãnh đạo có vai trò, vị trí quan trọng trong cơ quan, đơn vị, hiệu quả gương mẫu đi đầu là do

công chức, viên chức lãnh đạo thực hiện sẽ cao hơn nhiều so với công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ. Việc làm trên sẽ là tấm gương để toàn thể công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị noi theo.

2. Phải thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở công chức, viên chức trong thực hiện công vụ có liên quan đến tổ chức công dân, kịp thời phát huy khen thưởng các tổ chức, cá nhân làm tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí..

3. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính; triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng kinh phí, trước hết là hoạt động mua sắm tài sản, chi đoàn ra, tiếp khách và các khoản chi thường xuyên khác; thực hiện công khai minh bạch tài chính ngân sách ở các đơn vị.

4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác tài chính của Sở theo quy định.

V. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các loại tài liệu, quy định, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan hành chính nhà nước. Thường xuyên tổ chức kiểm tra việc công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Qua đó, kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu sót, lãng phí trong việc sử dụng tài sản, nhiên liệu, kinh phí để chấn chỉnh kịp thời việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Cần quan tâm tập huấn, hướng dẫn công chức làm công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và có điển hình các mô hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các cơ quan, Nhà nước...

Trên đây là báo cáo về kết quả, tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm 2021 của Sở Xây dựng, gửi đến Sở Tài chính để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.



GIÁM ĐỐC

Lê Minh Tân



KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(số liệu tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 05/05/2021)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả 06 tháng năm 2019	Kế hoạch 06 tháng năm 2020	Kết quả 06 tháng năm 2021	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm 2020	So sánh với kế hoạch năm 2021	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản	-	-	-	-	-	-
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản	-	-	-	-	-	-
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc	-	-	-	-	-	-
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ	-	-	-	-	-	-
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>Số tiền tiết</i>

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả 06 tháng năm 2019	Kế hoạch 06 tháng năm 2020	Kết quả 06 tháng năm 2021	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm 2020	So sánh với kế hoạch năm 2021	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	-	-	-	-	-	Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	-	-	-	-	-	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	-	-	-	-	-	
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng	-	-	-	-	-	Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Các nội dung khác	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	-	-	-	-	-	
2.3	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng	-	-	-	-	-	
2.4	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng	-	-	-	-	-	
2.5	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng	-	-	-	-	-	
2.6	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng	-	-	-	-	-	
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng	-	-	-	-	-	
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ	triệu đồng						
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	1	1	1	1	1	
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị	-	-	-	-	-	-
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
4	Các nội dung khác	triệu đồng						
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước	triệu đồng						
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả 06 tháng năm 2019	Kế hoạch 06 tháng năm 2020	Kết quả 06 tháng năm 2021	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm 2020	So sánh với kế hoạch năm 2021	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	3	1	1	-	-	
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	-	-	-	-	-	-
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	-	-	-	-	-	-
1.4	Số lượng phương tiện cuối kỳ	chiếc	-	-	-	-	-	-
1.5	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc	-	-	-	-	-	-
1.6	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản	-	-	-	-	-	-
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản	-	-	-	-	-	-
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
3	Các nội dung khác	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
IV	Trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
1	Trong đầu tư xây dựng	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án	-	-	-	-	-	-
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>	-	-	-	-	-	
	+ <i>Giá trị Tổng mức đầu tư sau thẩm định (tiết kiệm)</i>	<i>triệu đồng</i>	-	-	168,858	-	-	
	+ <i>Giá trị Tổng dự toán sau thẩm định (tiết kiệm)</i>	<i>triệu đồng</i>	-	-	168	-	-	
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>	-	-	-	-	-	
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>triệu đồng</i>	-	-	-	-	-	
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>triệu đồng</i>	-	-	-	-	-	
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng	-	-	-	-	-	
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án	-	-	-	-	-	

Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả 06 tháng năm 2019	Kế hoạch 06 tháng năm 2020	Kết quả 06 tháng năm 2021	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm 2020	So sánh với kế hoạch năm 2021	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, huỷ bỏ		-	-	-	-	-	-
	<i>Số lượng</i>	dự án	-	-	-	-	-	-
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	1.992,37	1.992,37	1.992,37	-	-	-
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	-	-	-	-	-	-
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	1.992,37	1.992,37	1.992,37	-	-	-
2.4	Tổng diện tích trụ sở cuối kỳ	m2	-	-	-	-	-	-
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	-	-	-	-	-	-
2.6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	-	-	-	-	-	-
2.7	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	5136,6	-	5136,6	-	-	-
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	-	-	-	-	-	-
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	-	-	-	-	-	-
3.4	Tổng diện tích nhà công vụ cuối kỳ	m2	5136,6	-	5136,6	-	-	-
3.5	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	-	-	-	-	-	-
3.6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	-	-	-	-	-	-
3.7	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2	-	-	-	-	-	-
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2	-	-	-	-	-	-
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
1.4	Các nội dung khác		-	-	-	-	-	-

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả 06 tháng năm 2019	Kế hoạch 06 tháng năm 2020	Kết quả 06 tháng năm 2021	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm 2020	So sánh với kế hoạch năm 2021	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	-	-	-	-	-	-
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án	-	-	-	-	-	-
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
4	Các nội dung khác	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ	-	-	-	-	-	-
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
3	Các nội dung khác	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h	-	-	-	-	-	-
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	lít	-	-	-	-	-	-
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
2	Quản lý đầu tư xây dựng	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án	-	-	-	-	-	-
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án	-	-	-	-	-	-

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả 06 tháng năm 2019	Kế hoạch 06 tháng năm 2020	Kết quả 06 tháng năm 2021	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm 2020	So sánh với kế hoạch năm 2021	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>	-	-	-	-	-	-
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>	-	-	-	-	-	-
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>triệu đồng</i>	-	-	-	-	-	-
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>triệu đồng</i>	-	-	-	-	-	-
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn		-	-	-	-	-	-
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>dự án</i>	-	-	-	-	-	-
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>triệu đồng</i>	-	-	-	-	-	-
2.5	Các nội dung khác	<i>triệu đồng</i>	-	-	-	-	-	-
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN		-	-	-	-	-	-
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	<i>triệu đồng</i>	-	-	-	-	-	-
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	<i>triệu đồng</i>	-	-	-	-	-	-
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	<i>triệu đồng</i>	-	-	-	-	-	-
4	Mua sắm tài sản, phương tiện		-	-	-	-	-	-
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con		-	-	-	-	-	-
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	<i>chiếc</i>	-	-	-	-	-	-
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	<i>chiếc</i>	-	-	-	-	-	-
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>	-	-	-	-	-	-
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	<i>chiếc</i>	-	-	-	-	-	-
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	<i>triệu đồng</i>	-	-	-	-	-	-
	<i>Số lượng xe cuối kỳ</i>	<i>chiếc</i>	-	-	-	-	-	-
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	<i>chiếc</i>	-	-	-	-	-	-
	<i>Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ</i>	<i>chiếc</i>	-	-	-	-	-	-
	<i>Số tiền mua xe trang bị sai chế độ</i>	<i>triệu đồng</i>	-	-	-	-	-	-
5	Nợ phải thu khó đòi		-	-	-	-	-	-
	<i>Số đầu kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>	-	-	-	-	-	-
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>	-	-	-	-	-	-
6	Vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-
	<i>Số đầu kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>	-	-	-	-	-	-
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>	-	-	-	-	-	-
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân		-	-	-	-	-	-
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THPT, CLP	Lượt hộ	-	-	-	-	-	-
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ	-	-	-	-	-	-

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả 06 tháng năm 2019	Kế hoạch 06 tháng năm 2020	Kết quả 06 tháng năm 2021	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm 2020	So sánh với kế hoạch năm 2021	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK,CLP đã triển khai thực hiện	cuộc	-	-	-	-	-	-
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK,CLP đã hoàn thành	cuộc	-	-	-	-	-	-
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/ tổ chức/đơn vị	-	-	-	-	-	-
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK,CLP được phát hiện	cơ quan/ tổ chức/đơn vị	-	-	-	-	-	-
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng	-	-	-	-	-	-
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng	-	-	-	-	-	-